

**BÁO CÁO**  
**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2020**

Năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Cùng với đó chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng chính trị gia tăng giữa Mỹ - Iran, bất đồng nội bộ trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và trên bán đảo Triều Tiên đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định, tuy nhiên trong năm đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn. Đặc biệt thời gian từ đầu tháng 10 đến đầu tháng 11, tình hình mưa lũ ở các tỉnh Miền Trung diễn biến hết sức phức tạp, lần đầu tiên trong nhiều năm lũ chồng lũ, bão chồng bão, gây thiệt hại lớn về người và tài sản ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; một số chỉ thị về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; phòng, chống ứng phó và cứu trợ đồng bào vùng lũ lụt; các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, khôi phục sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an sinh xã hội ... Nhờ đó, các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục; tình hình kinh tế - xã hội có xu hướng chuyển biến tích cực; nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo của Chính phủ, được cộng đồng quốc tế hoan nghênh, đánh giá cao, nâng cao vai trò, khẳng định vị thế, hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi, vượt qua khó khăn, phát triển kinh tế xã hội ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp; tập trung nguồn lực triển khai kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù

trong những tháng đầu năm do chịu ảnh hưởng chung của dịch Covid-19, nhiều hoạt động làm ảnh hưởng đến kinh tế giảm sút như: giá một số mặt hàng nông sản (mủ cao su, hạt tiêu, điều) xuống thấp; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác giảm so cùng kỳ; vận tải hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân đã hạn chế hơn. Tuy vậy, với sự chỉ đạo điều hành trọng tâm, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, khắc phục khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Trên cơ sở kết quả thực hiện 11 tháng, ước tính tháng 12 năm 2020, Cục Thống kê tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 như sau:

## **I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

### **1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn**

Trong năm 2020 chịu ảnh hưởng chung bởi đại dịch Covid-19, thiên tai, hạn hán, bão lũ..., nhưng với sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, khắc phục khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế. Kết quả cho thấy thắng lợi của các cấp các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì sản xuất kinh doanh và từng bước đưa kinh tế của tỉnh trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch bệnh. Cụ thể, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 ước thực hiện được 43.650,6 tỷ đồng, tăng 7,51% so cùng kỳ năm trước, là tỉnh có mức tăng trưởng cao, đứng thứ 5 của cả nước (tuy nhiên quy mô GRDP của tỉnh so với cả nước là nhỏ).

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 13.597,6 tỷ đồng, tăng 10,56%, đóng góp 3,20 điểm phần trăm (năm 2019 tăng 7,47%), trong đó : ngành nông nghiệp tăng 10,64% so với cùng kỳ. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển ổn định và có mức tăng cao so với cùng kỳ, tuy trong năm có ảnh hưởng dịch tả lợn Châu phi, dịch cúm gia cầm, hạn hán nhưng ở mức độ nhẹ, các dịch bệnh này trên địa bàn tỉnh đã được khống chế, các hợp tác xã, trang trại chăn nuôi đã tái đàn ổn định chăn nuôi.

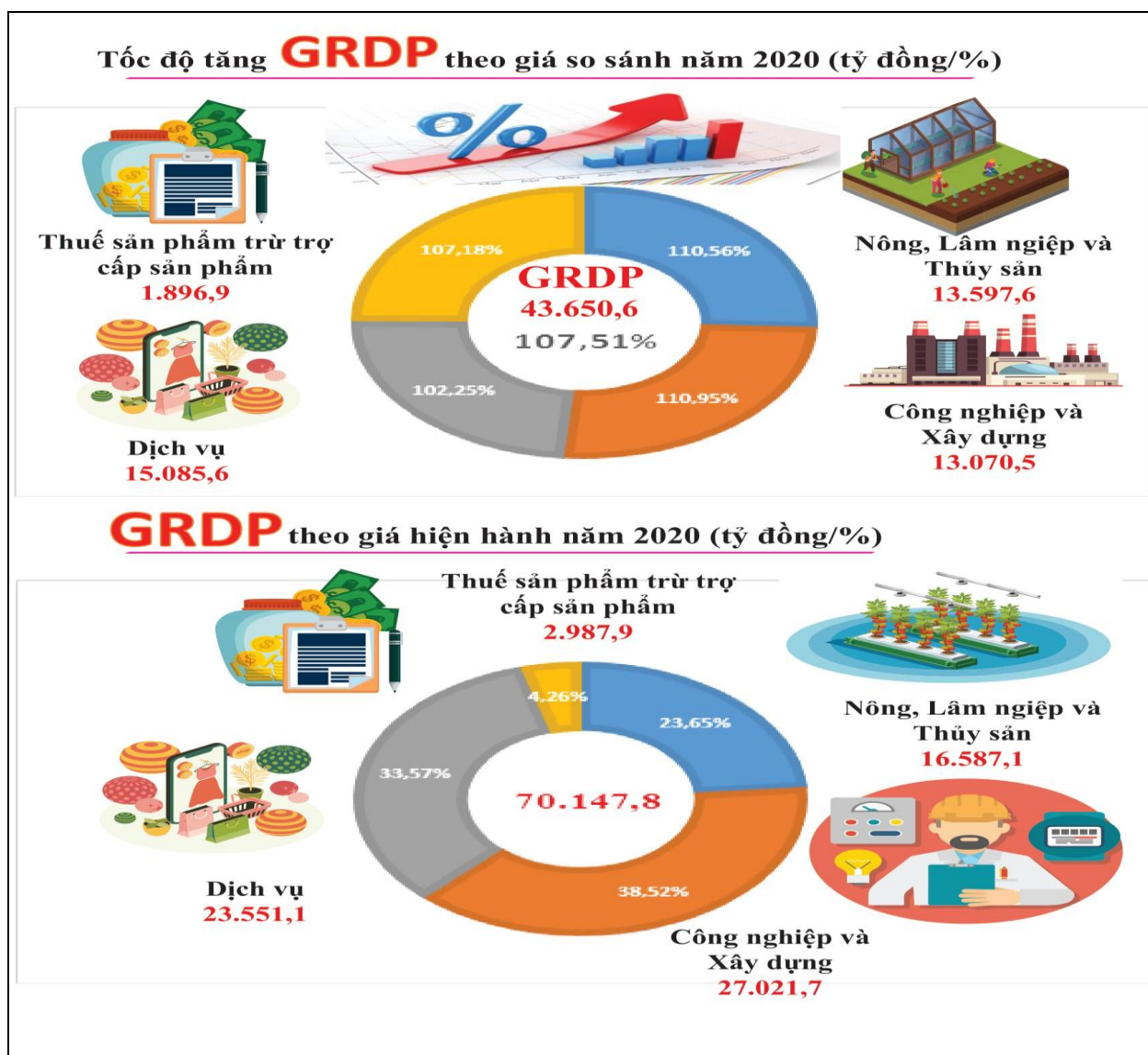
Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 13.070,5 tỷ đồng, tăng 10,95%, đóng góp 3,18 điểm phần trăm, thấp hơn 5,83% so với cùng kỳ năm trước (năm 2019 tăng 16,78%). Tính riêng ngành công nghiệp tăng 13,56%, trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng cao nhất 15,14% giữ vai trò là động lực chính trong khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp phần tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Khu vực dịch vụ đạt 15.085,6 tỷ đồng, tăng 2,25%, đóng góp 0,82 điểm phần trăm, có mức tăng thấp nhất trong 3 khu vực, thấp hơn 3,12% so với cùng kỳ năm trước (năm 2019 tăng 5,37%), đây là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp và rõ nét nhất trong bối cảnh dịch bệnh lây lan, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp phong tỏa, cách ly, hạn chế đi lại, tăng cường kiểm dịch nên nhu cầu dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống và lữ hành sụt giảm mạnh. Tương tự, các ngành vận tải, kho

bãi; bán lẻ; tài chính; ngân hàng; bất động sản; bảo hiểm; y tế; giáo dục cũng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đại dịch Covid-19.

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.896,9 tỷ đồng, tăng 7,18%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm, tăng cao hơn 0,77% so với cùng kỳ (năm 2019 tăng 6,41%). Do tác động của dịch bệnh, để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người nộp thuế. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho người nộp thuế như: Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Nhờ đó thu thuế từ các doanh nghiệp đạt kết quả tốt dẫn đến thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng cao so với cùng kỳ.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 23,65%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,52%; khu vực dịch vụ chiếm 33,57%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,26% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 21%; 37,74%; 36,89%; 4,37%).



GRDP bình quân đầu người ước đạt 69,39 triệu đồng/người/năm, tăng 12,59% so với cùng kỳ năm 2019.

## 2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Bình Phước vẫn phát triển khá ổn định, các loại dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi được kiểm soát, mặt dù thời tiết nắng hạn kéo dài cũng như giá nông, lâm nghiệp và thủy sản không ổn định đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, tuy nhiên do diện tích các loại cây lâu năm cho sản phẩm chủ lực của tỉnh ổn định và tăng lên làm cho giá trị sản lượng tiếp tục tăng. Mặt khác ngành chăn nuôi cũng đang trên đà phát triển, nhiều doanh nghiệp chăn nuôi lớn về Bình Phước đầu tư góp phần làm gia tăng giá trị sản lượng của tỉnh.

### 2.1. Nông nghiệp

#### a. Trồng trọt

Cây hàng năm:



Sơ bộ năm 2020, cây hàng năm toàn tỉnh gieo trồng được 27.663 ha, giảm 19,02% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Nhóm cây lúa gieo trồng đạt 11.276 ha, giảm 2,20% so với cùng kỳ (chia ra: lúa Đông Xuân 3.049 ha, giảm 8,9%; lúa Mùa 8.227 ha, tăng 0,54%); năng suất đạt 34,80 tạ/ha, sản lượng đạt 39.237 tấn (giảm 2,52% so cùng kỳ);

+ Cây ngô gieo trồng được 3.198 ha, giảm 17,77% (-691 ha) so cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 39,05 tạ/ha, sản lượng đạt 12.489 tấn (giảm 16,86% so cùng kỳ năm trước);

+ Cây khoai lang 481 ha, giảm 12,86% (-71 ha); năng suất đạt 48,44 tạ/ha; sản lượng đạt 2.330 tấn, giảm 14,37% (-391 tấn) so với cùng kỳ;

+ Đậu phộng 118 ha, bằng 58,13% so cùng kỳ; năng suất đạt 9,75 tạ/ha; sản lượng đạt 115 tấn, bằng 67,25% so với cùng kỳ;

+ Rau các loại 3.717 ha, giảm 18,40% (-838 ha) so cùng kỳ; năng suất đạt 73,56 tạ/ha; sản lượng đạt 27.342 tấn, giảm 19,90% (-6.794 tấn) so với cùng kỳ.

Nhìn chung cây hàng năm, năm 2020 giảm mạnh so cùng kỳ, nguyên nhân do thời tiết nắng hạn kéo dài, bên cạnh đó một số loại cây những năm trước trồng xen cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều) nhưng đến nay các cây công nghiệp bắt đầu cho sản phẩm, độ che phủ cao nên không thể trồng xen cây hàng năm được; do diện tích đất nông nghiệp bị quy hoạch nên thu hẹp lại.

Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 51.726 tấn, giảm 6,42% (giảm 3.547 tấn) so với cùng kỳ năm 2019.

Cây lâu năm:

Sơ bộ năm 2020 toàn tỉnh hiện có 429.801 ha cây lâu năm, tăng 1,36% (tăng 5.786 ha) so cùng kỳ. Trong đó:

- Cây ăn quả các loại hiện có 12.358 ha, tăng 4,35% (+516 ha) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích cây cam 533 ha, giảm 1,44% so cùng kỳ; sản lượng đạt 4.085 tấn, giảm 5,92% so cùng kỳ; cây xoài 463 ha, giảm 13,24%; sản lượng đạt 2.808 tấn, giảm 17,27%; cây quýt 1.242 ha, giảm 11,70%; sản lượng đạt 7.049 tấn, giảm 18,15%; sầu riêng 2.827 ha, tăng 25,94%; sản lượng đạt 10.384 tấn, tăng 24,24% so cùng kỳ. Diện tích cây ăn quả tăng là do chuyển đổi một phần từ đất cây hàng năm và một số cây lâu năm có hiệu suất đầu tư cao nhưng mang lại hiệu quả thấp.

- Đối với cây công nghiệp lâu năm hiện có 417.031 ha, tăng 1,32% (tăng 5.415 ha) so cùng kỳ, gồm: cây điều 139.868 ha, tăng 1,82% so cùng kỳ; sản lượng đạt 188.881 tấn, tăng 34,41% so cùng kỳ; cây cao su 246.658 ha, tăng 1,92%; sản lượng đạt 397.612 tấn, tăng 2,87%; cây hồ tiêu 15.889 ha, giảm 7,62%; sản lượng đạt 28.556 tấn, giảm 4,64%; cây cà phê 14.616 ha, giảm 2,76%; sản lượng đạt 31.458 tấn, giảm 1,91% so cùng kỳ. Nhóm cây công nghiệp lâu năm có diện tích giảm của cây cà phê và cây tiêu do nắng hạn; cây cao su, và cây điều tăng do tăng diện tích xâm canh trong đất lâm phần. Năng suất cây cao su giảm do giá thấp, năng suất cây điều tăng do được mùa.

### Kết quả sản xuất một số cây lâu năm (tấn/%)



**Cao su**

379.612 ↑ 2,87



**Cà phê**

31.458 ↓ 1,91



**Hồ tiêu**

28.556 ↓ 4,64



**Điều**

188.881 ↑ 34,41



### Sản lượng thủy sản (nghìn tấn/%)

4.656

↓ 11,75

Sản lượng thủy sản khai thác

Sản lượng thủy sản nuôi trồng



356 ↓ 1,11



4.300 ↓ 12,53

Nhìn chung trong năm, do thời tiết nắng hạn kéo dài, mưa nhiều, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng không nhỏ tới năng suất cây trồng, giá nông sản. Tuy nhiên với đặc thù của tỉnh Bình Phước, các loại cây lâu năm trọng điểm có diện tích lớn, diện tích cho sản phẩm vẫn tiếp tục tăng từ đó làm cho sản lượng, giá trị sản lượng cây trồng tiếp tục tăng lên.

Tình hình sâu bệnh: Công tác bảo vệ thực vật đã được các cấp, các ngành quan tâm do đó tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng đều ở mức hại nhẹ ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng và phát triển cây trồng. Một số sâu bệnh phát sinh gây hại nổi bật trên các loại cây trồng như: Cây lúa chủ yếu là sâu, rầy nâu; cây khoai mì bị nhiễm bệnh chủ yếu trên giống HL-S11, HL-S12; cây rau sâu bệnh chính hiện nay là sâu xanh, bọ nhảy, ruồi đục trái, thán thư gây hại rải rác ở hầu hết các vùng trồng rau; cây tiêu thời gian vừa qua hiện tượng tiêu chết hàng loạt đã gây thiệt hại nặng về kinh tế của nhiều hộ dân; cây cà phê chủ yếu bệnh rệp sáp, rỉ sắt, khô cành, mọt đục cành gây hại; cây điều bệnh cháy lá, khô cành, bọ xít, muỗi, thán thư, sâu đục thân cành, bọ trĩ...; cây cao su chủ yếu bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cạo, nứt thân xì mũ bệnh phấn trắng...; cây ăn trái bệnh chổi rồng, sâu đục cành, ruồi đục trái, xì mũ thân, thán thư...

## b. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi nhìn chung khá ổn định; Số lượng gia súc, gia cầm ước năm 2020 gồm có:

+ Đàn trâu: 13.260 con, tăng 10,28% so cùng kỳ; số con xuất chuồng là 4.500 con, tăng 12,28%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 1.126 tấn, tăng 10,39% so với cùng kỳ;

+ Đàn bò: 39.418 con, tăng 6,02% so cùng kỳ; số con xuất chuồng là 16.685 con, tăng 6,85%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 2.893 tấn, tăng 6,48% so với cùng kỳ;

+ Đàn heo: 1.080.000 con, tăng 20,21% so cùng kỳ; số con xuất chuồng là 1.422.766 con, tăng 75%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 130.894 tấn, tăng 74,98% so với cùng kỳ;

+ Đàn gia cầm: 7.556 ngàn con, tăng 9,06% so cùng kỳ; sản lượng xuất bán đạt 27.880 tấn, tăng 47,64%; sản lượng trứng gia cầm xuất bán đạt 261.959 ngàn quả, tăng 118,38% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh trên tổng đàn gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác năm khá ổn định không có biến động lớn, không có dịch bệnh lớn xảy ra, công tác tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng, công tác kiểm dịch động vật vẫn được thực hiện theo kế hoạch và được kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, duy trì các chốt kiểm dịch động vật, xử lý dứt điểm các ổ dịch tại các xã khi có dịch theo đúng các quy định hiện hành.

## 2.2. Lâm nghiệp

Các ngành chức năng luôn duy trì, thực hiện công tác tuyên truyền về bảo vệ rừng, duy trì công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng - phòng cháy chữa cháy rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh và các khu vực giáp ranh: Vườn quốc gia Cát Tiên, huyện Tuy Đức - tỉnh Đắk Nông, Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai và Vương quốc Campuchia; đôn đốc công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng của các đơn vị chủ rừng, trong đó đặc biệt chú trọng một số khu vực trọng điểm thường xảy ra các hành vi khác gây xâm hại đến rừng và lâm sản. Tuy nhiên, trong năm 2020 đã xảy ra 03 vụ cháy rừng tự nhiên, diện tích 3,26 ha cháy thực bì, cây bụi. Quá trình xác minh, điều tra, xử lý vụ việc thì chỉ có 01 vụ có thiệt hại đến rừng tự nhiên với diện tích là 0,0723 ha (*vụ việc đã được Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú xử lý hành chính*); 02 vụ còn lại Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh xác định không ảnh hưởng đến rừng, không xác định được đối tượng. Ngoài ra còn ghi nhận 02 vụ cháy vườn cây cao su diện tích 48,47 ha (cháy thực bì, cây bụi, trắng cỏ, không thiệt hại cây trồng).

Công tác bảo vệ rừng: Trong năm, xảy ra 113 vụ (tăng 28 vụ so với cùng kỳ năm 2019). Số vụ đã xử lý trong kỳ (bao gồm cả các vụ tồn của năm trước): 114 vụ (112 vụ là xử lý hành chính và 02 vụ xử lý hình sự). Lâm sản và phương tiện tịch thu: 120,76 m<sup>3</sup> gỗ; 09 xe mô tô, gắn máy, 140 bẫy tự chế, 01 khẩu súng tự chế... Số tiền thu nộp ngân sách: 717,9 triệu đồng.

Về trồng rừng, trong tháng đang là mùa khô người dân chủ yếu là chăm sóc, chống cháy rừng, chăm sóc mới trồng 540 ha rừng trồng tập trung và 350 ngàn cây lâm nghiệp trồng phân tán.

Về khai thác, trong tháng ước tính khai thác được 880 m<sup>3</sup> gỗ, giảm 65 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ; lượng củi khai thác 100 Ste, giảm 21 Ste so với năm trước. Lũy kế 12 tháng khai thác được 10.200 m<sup>3</sup> gỗ, giảm 839 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ; lượng củi khai thác 1.100 Ste, giảm 110 Ste so với năm trước. Lượng gỗ và củi khai thác được hoàn toàn là rừng trồng.

### 2.3. Thủy sản

Tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh vẫn được duy trì ổn định, không xảy ra dịch bệnh. Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh hiện có 1.707 ha, đến nay hầu như diện tích nuôi trồng thủy sản đã được xuống giống để nuôi trồng. Sản lượng thủy sản thực thu trong tháng ước đạt 391 tấn, lũy kế từ đầu năm đến tháng 12 đạt 4.656 tấn (sản lượng nuôi trồng 4.300 tấn và sản lượng khai thác 356 tấn). Diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh nhỏ lại manh mún, nuôi trong ao, hồ và số ít nuôi cá lồng bè; phần lớn diện tích nuôi để tiêu dùng nên năng suất cũng như hiệu quả thu được trên một hecta nuôi trồng không cao.

### 2.4. Kinh tế hợp tác, liên kết trong nông nghiệp; kinh tế trang trại

Kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất: Toàn tỉnh hiện có 139 Hợp tác xã và 01 liên hiệp HTX nông, lâm nghiệp đang còn hoạt động trên địa bàn (có 15 HTX nông, lâm nghiệp mới được thành lập mới) và 01 Liên hiệp HTX nông, lâm nghiệp đăng ký hoạt động (với 04 HTX thành viên). Về Tổ hợp tác: có 89 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động theo Nghị định số 151/2005/NĐ-CP tại các xã chỉ đạo điểm xây dựng nông thôn mới đây sẽ là tiền đề để thành lập các HTX trong những năm tới.

Kinh tế trang trại: Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ toàn tỉnh Bình Phước hiện có 487 trang trại, chia ra: Thành phố Đồng Xoài có 9 trang trại; thị xã Phước Long có 10 trang trại; thị xã Bình Long có 15 trang trại; huyện Bù Gia Mập có 18 trang trại; huyện Lộc Ninh có 44 trang trại; huyện Bù Đốp có 16 trang trại; huyện Hớn Quản có 104 trang trại; huyện Đồng Phú có 40 trang trại; huyện Bù Đăng có 103 trang trại; huyện Chơn Thành có 90 trang trại; huyện Phú Riềng có 38 trang trại.

### 2.5. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

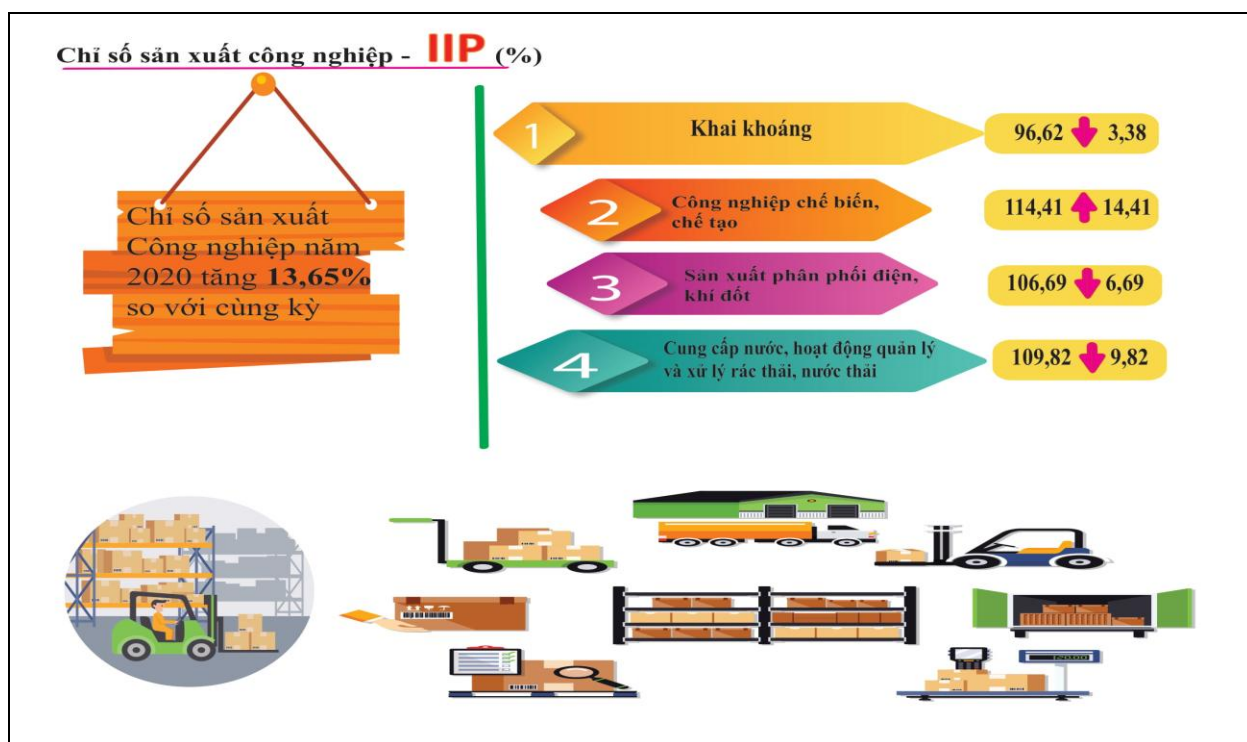
Năm 2020, hoàn thành 12 xã nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số xã nông thôn mới trên toàn tỉnh là 60 xã. Số tiêu chí bình quân toàn tỉnh 17 tiêu chí/xã. Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 02 xã đạt nông thôn mới nâng cao (xã Tân Thành và xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài). Thực hiện đẩy mạnh chủ trương sử dụng xi măng theo cơ chế đặc thù và bố trí nguồn lực để tập trung xây dựng đường giao thông nông thôn đến hết năm 2020 hoàn thành 650 km đường giao thông nông thôn.

### 3. Sản xuất công nghiệp

Tình hình sản xuất công nghiệp của tỉnh năm 2020 đạt tốc độ tăng trưởng khá cao (13,56%) trong tình hình chịu ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục xu hướng phát triển chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu toàn ngành.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12/2020 ước đạt 104,87% so với tháng trước và 125,40% so với cùng kỳ năm trước, tức là tăng 4,87% so với tháng trước và tăng 25,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 1,57% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng: ngành công nghiệp chế biến tăng 5,04%, tăng 25,40%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 3,15%, tăng 37,42%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,28%, tăng 27,73%.

Quý IV/2020, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước đạt 121,65% so với cùng kỳ năm trước, tức là tăng 21,65%. Trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng: ngành công nghiệp chế biến tăng 22,91%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,48%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,89%.



Tính chung cả năm 2020, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 13,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì tốc độ tăng trưởng cao 14,41%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,69%; ngành khai khoáng giảm 3,38%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,82%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất năm 2020 tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: sản xuất kim loại tăng 74,02%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 71,83%; sản xuất xe có động cơ 34,52%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 25,75%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 0,76%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 64,69%; sản xuất đồ uống giảm 40,55%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 36,08%; khai khoáng khác giảm 3,38%.

Trong năm 2020, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: bao bì đóng gói khác bằng plastic tăng 98,25%; thiết bị tín hiệu âm thanh khác tăng 34,52%; điện thương phẩm tăng 29,06%; hạt điều khô tăng 27,29%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: giày, dép có đế hoặc mũ bằng da tăng 1,98%; dịch vụ hoàn thiện sản phẩm dệt khác tăng 1%; các loại van khác chưa được phân vào đâu giảm 64,69%; nước tinh khiết giảm 53,74%; đồ nội thất bằng gỗ khác chưa được phân vào đâu giảm 42,23%; ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự giảm 3,50%; đá xây dựng khác giảm 3,38%.



Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2020 tăng 31,77% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 93,75%; sản xuất xe có động cơ tăng 39,93%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 25,88%... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 1,99%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 1,55%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 63,03%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 37,18%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 13,26%...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2020 tăng 112,58% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 99,37%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng, giảm như sau: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 126,87%; sản xuất trang phục tăng 153,55%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 173,71%; sản xuất xe có động cơ giảm 94,41%; sản xuất kim loại giảm 93,52%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân năm 2020 là 61,65%, những ngành có tỷ lệ tồn kho thấp gồm: sản xuất trang phục 6,17%; sản xuất đồ uống 6,18%; công nghiệp chế biến chế tạo khác 2,33%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/12/2020 giảm 1,16% so năm trước. Trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 2,31%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 11,79% và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 4,3%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong ngành khai khoáng giảm 39,62% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 1,12%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,19%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,81%. Những ngành công nghiệp cấp II có chỉ số sử dụng lao động tăng cao so với cùng kỳ gồm: ngành dệt tăng 22,13%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 55,3%.

Sản xuất công nghiệp năm 2020 có tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ do một số nguyên nhân: ngành chế biến, chế tạo tăng cao, trong đó đáng chú ý có một số ngành công nghiệp quan trọng tăng như: nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm (ngành chế biến hạt điều), ngành dệt, ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan...; ngành sản xuất và phân phối điện duy trì sự tăng trưởng ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất và tiêu dùng của dân cư.

#### 4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Ước năm 2020 có 1.202 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký 15.000 tỷ đồng, tăng 12% về số doanh nghiệp và tăng 3,18% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019, đạt 100,2% kế hoạch năm; có 300 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, 120 doanh nghiệp đăng ký giải thể và có 250 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn. Lũy kế đến hết tháng 12/2020, trên địa bàn tỉnh có tổng cộng 8.458 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 79.848 tỷ đồng. Trong những tháng đầu năm tình hình hoạt động của doanh nghiệp có những biến động lớn do tác động của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó UBND tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; triển khai Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 07/4/2020 cho phép gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành nghề chịu tác động nặng nề, trực tiếp của đại dịch Covid-19, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

#### \* Xu hướng sản xuất kinh doanh

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV/2020 cho thấy: có 37,88% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV năm nay tốt hơn quý trước; 18,18% số doanh

ng nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 43,94% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý I/2021 có 36,36% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 10,61% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 53,03% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, khu vực doanh nghiệp Nhà nước đánh giá 100% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2021 giữ nguyên; tuy nhiên với đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2021 tốt hơn của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 46,51% và 19,05%.

Trong các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có 63,64% số doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường trong nước thấp là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 56,06% số doanh nghiệp cho rằng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao; 45,45 số doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế thấp; 57,58% số doanh nghiệp cho rằng không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu; 28,79% số doanh nghiệp cho rằng thiếu nguyên, nhiên vật liệu...

Về khối lượng sản xuất, có 36,36% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của quý IV/2020 tăng so với quý trước; 18,18% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm và 45,45% số doanh nghiệp cho rằng ổn định. Xu hướng quý I/2021, có 30,77% số doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng; 16,92% số doanh nghiệp dự báo giảm và 52,31% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

Về số lượng đơn đặt hàng mới, có 33,85% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng quý IV/2020 cao hơn quý trước; 16,92% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm đi và 49,23% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng ổn định. Xu hướng quý I/2021, có 27,69% số doanh nghiệp dự báo có số đơn đặt hàng cao hơn; 15,38% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng giảm; 56,92% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định.

Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới, có 10,81% số doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng quý IV/2020 tăng hơn so với quý trước; 24,32% số doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng giảm và 64,86% số doanh nghiệp đánh giá ổn định. Xu hướng quý I/2021, có 16,67% số doanh nghiệp dự báo có số đơn đặt hàng xuất khẩu mới cao hơn; 22,22% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng giảm; 61,11% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định.

## 5. Hoạt động dịch vụ

### 5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 12/2020 ước tính đạt 4.823 tỷ đồng, tăng 2,89% so với tháng trước và tăng 10,89% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.957,8 tỷ đồng, tăng 2,98%, tăng 11,35%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 460,8 tỷ đồng, tăng 2,86%, tăng 1,32%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,3 tỷ đồng, tăng 6,85% so với tháng trước, bằng 37,06% so cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác đạt 404,1 tỷ đồng, tăng 2,01% và tăng 19,07%.

Quý IV năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 14.061,2 tỷ đồng, tăng 9,59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán

lẻ hàng hóa đạt 11.525,9 tỷ đồng, tăng 9,71% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.345,1 tỷ đồng, tăng 0,52%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,8 tỷ đồng, bằng 28,99%; doanh thu dịch vụ khác đạt 1.189,4 tỷ đồng, tăng 20,93%.

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện được 48.439,4 tỷ đồng, tăng 0,43% so cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 40.141,4 tỷ đồng, tăng 2,09% (trong đó: lương thực, thực phẩm tăng 11,24%; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 4,65%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 4.876,5 tỷ đồng, giảm 4,77%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 1,8 tỷ đồng, bằng 18,33%; doanh thu dịch vụ khác đạt 3.419,7 tỷ đồng, giảm 9,6%.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 tăng thấp so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân, do ảnh hưởng của dịch covid-19, đời sống của đa số người dân gặp nhiều khó khăn do phải nghỉ việc không lương, hoặc phải tạm ngưng kinh doanh một số ngành dịch vụ đã tác động tới sức tiêu thụ hàng

hóa trên thị trường; mặt khác do hình thức mua sắm trực tuyến được người tiêu dùng ưa chuộng trong thời gian gần đây đã làm cho doanh thu tuy có tăng nhưng mức tăng thấp; thu nhập của người dân thắt chặt chi tiêu dẫn đến nhu cầu đối với các dịch vụ giảm làm cho doanh thu giảm so với cùng kỳ; những đơn vị hoạt động các ngành dịch vụ không thiết yếu phải tạm ngưng hoạt động để thực hiện phòng, chống dịch; vui chơi, giải trí do tâm lý e ngại tới những nơi đông người trong thời gian dịch bệnh; nhiều cơ sở kinh doanh do không có doanh thu phải ngưng hoạt động, chuyển nhượng kinh doanh; một số đơn vị khác hoạt động cầm chừng nhưng doanh thu không cao.

## 5.2. Giao thông vận tải - Bưu chính viễn thông

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên vận tải hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân năm 2020 có phần hạn chế hơn so với năm 2019. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 12/2020 ước đạt 174,6 tỷ đồng, tăng 0,76% so với tháng trước, tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: vận tải hành khách đạt 104,3 tỷ đồng, tăng 0,70% so với tháng trước, tăng 4,36% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 67,9 tỷ đồng, tăng 0,82%, tăng 3,96%. Quý IV/2020 doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 517,2 tỷ đồng, tăng 3,59% so với cùng kỳ, trong đó: vận tải hành khách đạt 309,6 tỷ đồng, tăng 3,48%; vận tải hàng hóa đạt 200,7 tỷ đồng, tăng 3,86%. Tính chung trong năm 2020, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.901,8 tỷ đồng, giảm 3,8% so với cùng kỳ, trong đó: vận tải hành khách đạt 1.135,6 tỷ đồng, giảm 5,8%; vận tải hàng hóa đạt 739,6 tỷ đồng, giảm 0,87%.

Vận tải hành khách tháng 12/2020 ước đạt 1.236 ngàn HK và 150,9 triệu HK.km, so với tháng trước tăng 0,7% về vận chuyển, tăng 0,83% về luân chuyển, so với cùng kỳ năm trước tăng 4,87% về vận chuyển, tăng 4,41% về luân chuyển. Quý IV, vận tải hành khách ước đạt 3.668 ngàn HK và 447,7 triệu HK.km, so với cùng kỳ tăng 4,02% về vận chuyển, tăng 3,57% về luân chuyển. Tính chung năm 2020, vận tải hành khách ước đạt 13.134 ngàn HK và 1.590 triệu HK.km, so với cùng kỳ giảm 5,97% về vận chuyển, giảm 6,46% về luân chuyển.

Vận tải hàng hoá tháng 12/2020 ước đạt 299 ngàn tấn và 20,5 triệu T.km, so với tháng trước tăng 0,82% về vận chuyển, tăng 0,86% về luân chuyển, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,88% về vận chuyển, tăng 3,81% về luân chuyển. Quý IV, vận tải hàng hoá ước đạt 886 ngàn tấn và 60,7 triệu T.km, so với cùng kỳ tăng 3,58% về vận chuyển, tăng 3,63% về luân chuyển. Tính chung trong năm 2020, vận tải hàng hóa ước đạt 3.308 ngàn tấn và 226 triệu T.km, so với cùng kỳ giảm 0,98% về vận chuyển, giảm 0,66% về luân chuyển.

Về lĩnh vực bưu chính: Hiện tại có 10 doanh nghiệp bưu chính đang hoạt động, giảm 01 doanh nghiệp so với năm trước; số điểm phục vụ bưu chính 156 điểm, bán kính phục vụ trung bình 3,75 km, đáp ứng 100% số xã được phục vụ bưu chính; doanh thu trong năm ước đạt 186,1 tỷ đồng, giảm 1,18% so với cùng kỳ.

Viễn thông và Internet: Theo số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước, toàn tỉnh có 1.307.732 số thuê bao điện thoại, trong đó: điện thoại cố

định 13.706 thuê bao, giảm 1,24% so với cuối năm 2019; điện thoại di động 1.294.026 thuê bao, tăng 0,93%; internet 849.691 thuê bao, tăng 14,28%. Doanh thu ước đạt 1.504 tỷ đồng giảm 1,4% so với năm 2019.

## **II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM CHẾ LẠM PHÁT**

### **1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm**

#### **1.1. Ngân hàng**

Về lãi suất: Nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện chính sách tiết giảm tối đa chi phí hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất cho vay, chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp và người dân vay vốn. Cụ thể, từ đầu năm 2020 đến nay các ngân hàng đã giảm từ 0,5-2%/năm lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với một số lĩnh vực và giảm 0,05-0,46%/năm đối với cho vay bằng ngoại tệ.

Đối với huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động tại chỗ đến cuối tháng 12/2020 ước đạt 40.850 tỷ đồng, tăng 12,22% so với cuối năm 2019. Trong đó, tiền gửi đồng Việt Nam chiếm 98,82%, tiền gửi ngoại tệ chiếm 1,18%; tiền gửi tiết kiệm chiếm 63,48%, tiền gửi thanh toán chiếm 34,78%, phát hành giấy tờ có giá chiếm 1,74%.

Đối với hoạt động tín dụng: Dư nợ tín dụng đến cuối tháng 12/2020 ước đạt 78.400 tỷ đồng, tăng 9,52% so với cuối năm 2019. Trong đó, dư nợ ngắn hạn chiếm 72,41%; trung, dài hạn chiếm 27,59%; cho vay bằng đồng Việt Nam chiếm 91,54%, cho vay bằng ngoại tệ chiếm 8,46%. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng có hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, nợ xấu chiếm khoảng 0,57% trên tổng dư nợ.

#### **1.2. Bảo hiểm**

Số người tham gia bảo hiểm xã hội tính đến ngày 30/11/2020, gồm: Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 131.928 người (trong đó, bảo hiểm thất nghiệp là 124.007 người), đạt 95,3% kế hoạch được giao; bảo hiểm xã hội tự nguyện 7.134 người, đạt 58,5% kế hoạch; bảo hiểm y tế là 742.293 người, đạt 99,3%.

Tổng số thu tính đến ngày 30/11/2020 là 2.752 tỷ đồng, đạt 86,4% so với kế hoạch, trong đó: Bảo hiểm xã hội bắt buộc: 1.809 tỷ đồng, đạt 87,5% kế hoạch; bảo hiểm xã hội tự nguyện: 24 tỷ đồng, đạt 60,9% kế hoạch; bảo hiểm y tế: 781 tỷ đồng, đạt 84,3 % kế hoạch; bảo hiểm thất nghiệp: 136 tỷ đồng, đạt 88,5 % kế hoạch.

Tổng số chi tính đến ngày 30/11/2020: 1.850,6 tỷ đồng, bao gồm: Chi bảo hiểm xã hội: 1.387,1 tỷ đồng (trong đó chi bảo hiểm thất nghiệp 146,2 tỷ đồng); chi bảo hiểm y tế: 463,5 tỷ đồng.

### **2. Đầu tư và xây dựng**

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý IV/2020 theo giá hiện hành ước tính đạt 7.217,3 tỷ đồng, tăng 9,15% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: vốn khu vực Nhà nước tăng 18,13%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 13,95%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài bằng 81,36% so cùng kỳ. Tính chung cả năm 2020, vốn đầu tư toàn xã

hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 22.589,4 tỷ đồng, tăng 5,28% so với cùng kỳ năm trước và bằng 32,20% GRDP, trong đó: vốn khu vực Nhà nước đạt 4.869,2 tỷ đồng, chiếm 21,56%, tăng 28,46% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 13.920,5 tỷ đồng, chiếm 61,62%, tăng 0,07%; khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.799,7 tỷ đồng, chiếm 16,82%, tăng 22,07%.

Đây là kết quả của những chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo động lực thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước và sự phát triển của kinh tế tư nhân. Một số công trình có quy mô được xây dựng từ ngân sách nhà nước đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc gia góp phần tạo diện mạo mới cho tỉnh nhà như dự án khu trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long, Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 600 giường, ký túc xá trường Chính trị tỉnh... Bên cạnh đó, nguồn vốn từ khu vực tư nhân đã và đang triển khai các dự án như: Khu đô thị phức hợp cảnh quan Cát Tường Phú Hưng; khu đô thị mới - Công viên trung tâm Đồng Xoài; khu du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn II); khu trung tâm thương mại Phước Long.

Trong tổng vốn đầu tư thì vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện năm 2020 đạt 4.511,1 tỷ đồng, bằng 94,69% kế hoạch năm, tăng 27,24% so với cùng kỳ năm trước, gồm có: vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 3.022,1 tỷ đồng, bằng 93,57% kế hoạch năm, tăng 86,29%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 1.489 tỷ đồng, bằng 97% và tăng 18,92%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/12/2020 toàn tỉnh đã thu hút được 33 dự án với tổng vốn đăng ký là 252,2 triệu USD, bằng 76,74% về số dự án và bằng 82,76% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ. Trong đó có 16 dự án đầu tư đến từ Trung Quốc với tổng số vốn 155,6 triệu USD; 05 dự án đến từ Hàn Quốc với tổng số vốn 16,49 triệu USD; 2 dự án đầu tư đến từ Hồng Kông với tổng số vốn 4,5 triệu USD; 01 dự án đầu tư đến từ Mỹ với tổng số vốn 45 triệu USD; 02 dự án đầu tư đến từ Samoa với tổng số vốn 14 triệu USD...

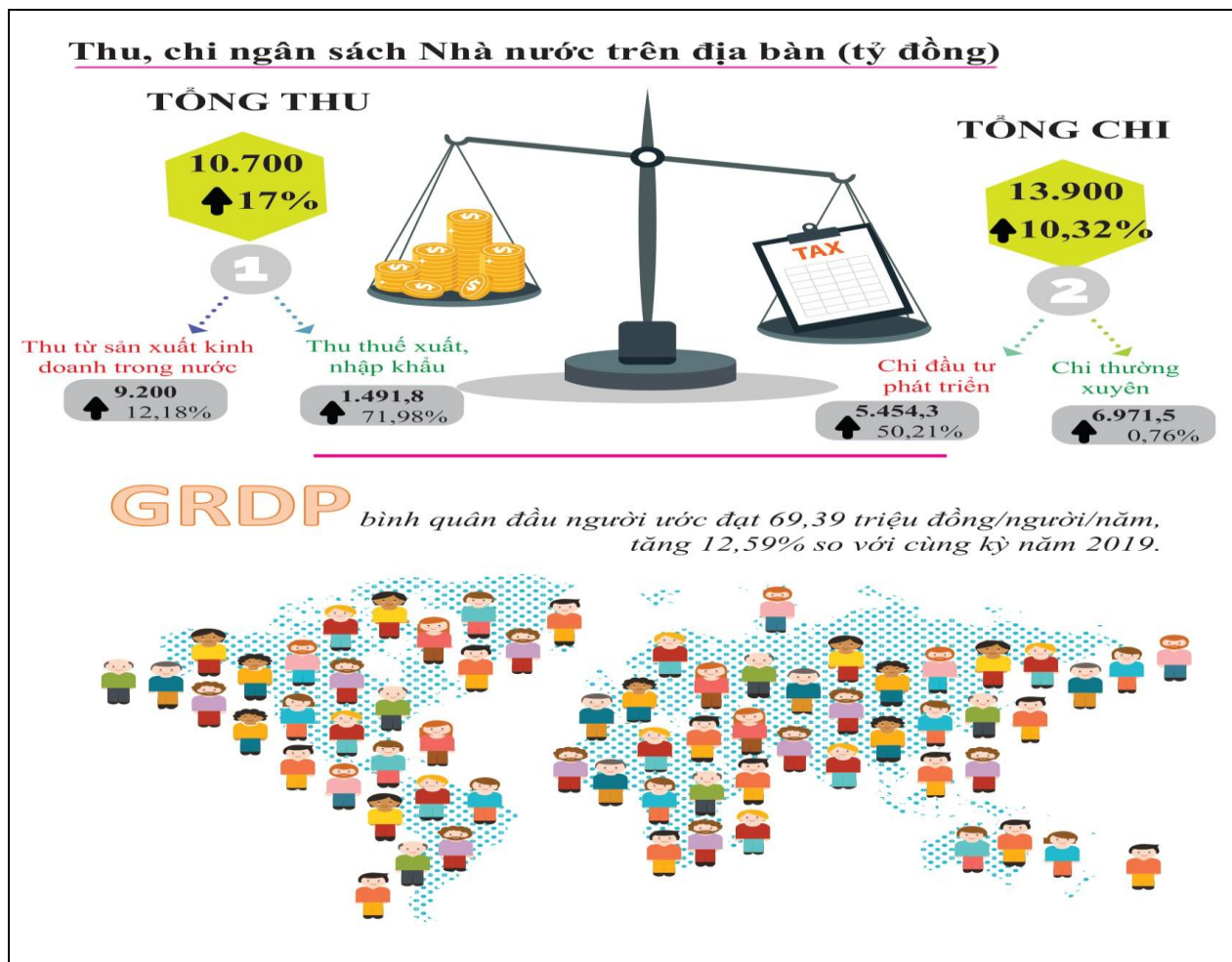
### 3. Thu, chi ngân sách

Theo báo cáo của ngành Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước năm 2020 là 10.700 tỷ đồng, đạt 105% so với dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 17% so với cùng kỳ, trong đó:

- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước ước 9.200 tỷ đồng, đạt 98% so kế hoạch HĐND giao. Trong thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: thu từ doanh nghiệp nhà nước ước 925 tỷ đồng, đạt 97% so kế hoạch, bằng 91,46% so với cùng kỳ; thu từ kinh tế ngoài quốc doanh ước 1.245 tỷ đồng, đạt 100% so kế hoạch, bằng 96,05% so với cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ước 420 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch, tăng 18,35%; thu xổ số kiến thiết ước 800 tỷ đồng, đạt 105% so kế hoạch, tăng 31,16%; khoản thu về nhà, đất ước 4.292,5 tỷ đồng, tăng 34,21% so cùng kỳ.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu ước 1.491,8 tỷ đồng, đạt 176% so kế hoạch HĐND giao, tăng 71,98% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2020 ước thực hiện 13.900 tỷ đồng, đạt 106% so với dự toán năm, tăng 10,32% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển: 5.454,3 tỷ đồng, đạt 114% dự toán, tăng 50,21% so với cùng kỳ; chi thường xuyên: 6.971,5 tỷ đồng, đạt 96% dự toán, tăng 0,76% so với cùng kỳ, đã đáp ứng yêu cầu chi tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, các khoản an sinh xã hội, phòng ngừa dịch bệnh...



#### 4. Chỉ số giá

Tình hình giá cả thị trường tháng 12 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước có biến động tăng lên so với tháng trước. Do việc điều chỉnh giá xăng dầu và tăng giá gas trong tháng cũng tác động phần nào đến chỉ số chung của tháng 12/2020 so với tháng 11/2020. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2020 tăng 0,33% so với tháng trước, tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 4 nhóm mặt hàng tăng so với tháng trước, với mức tăng như sau: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,03%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,03%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,01%; giao thông tăng 2,61%. Có 4 nhóm hàng giảm xuống so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13% (trong đó, lương thực tăng 0,38%, thực phẩm giảm 0,32%); đồ uống và thuốc lá giảm 0,14%; bưu chính viễn thông giảm 0,1%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,15%. Có 3 nhóm hàng ổn định so với tháng trước là nhóm thuốc và dịch vụ y tế, giáo dục và hàng hóa và dịch vụ khác.

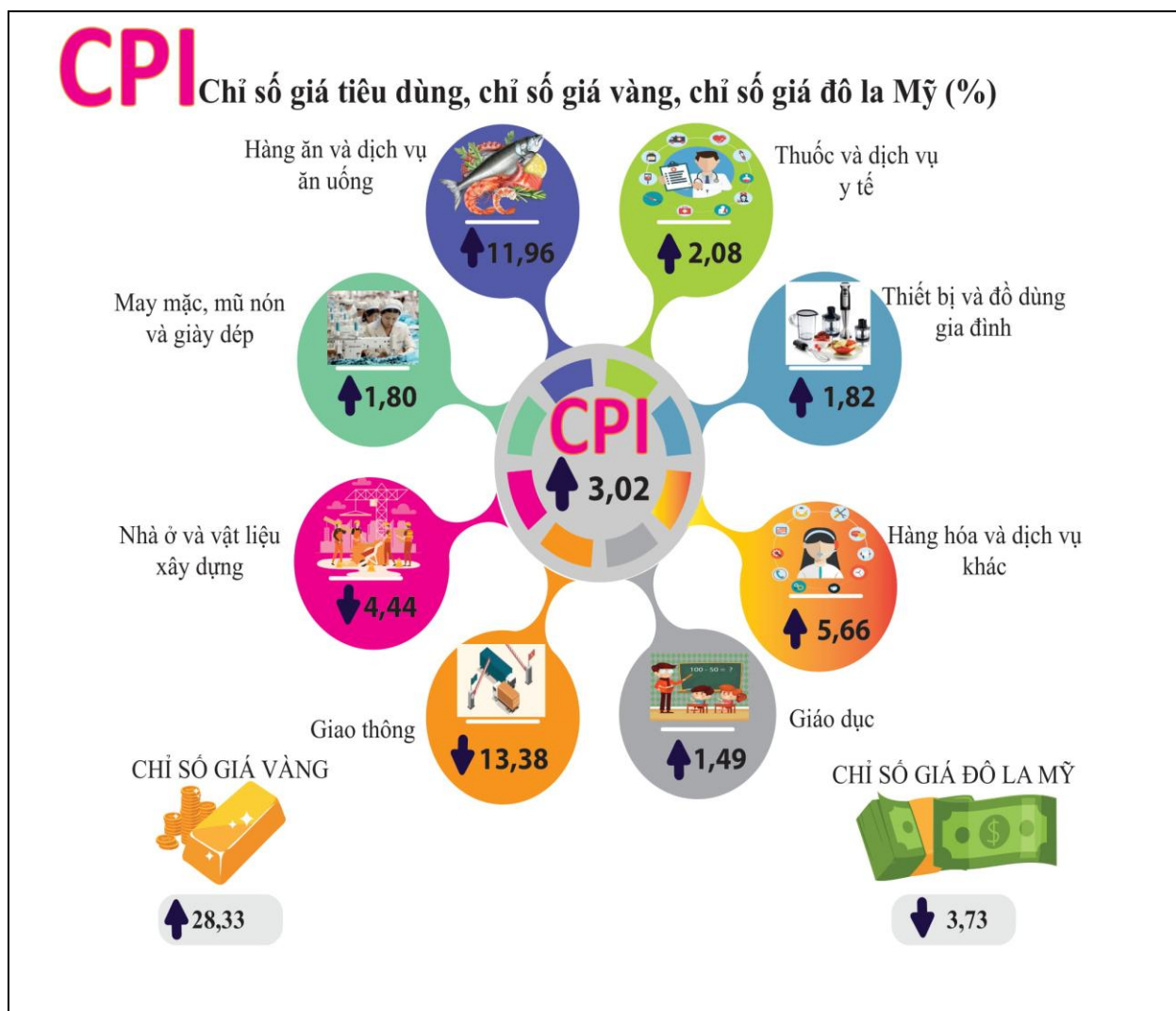
### Nguyên nhân làm tăng, giảm CPI tháng 12 năm 2020

- Giá gạo tăng 0,50% so với tháng trước do nhu cầu mua gạo từ Trung Quốc, Bangladesh và các nước Đông Nam Á tăng, nên các thương lái tăng mua để chuẩn bị nguồn hàng xuất khẩu. Ngoài ra do dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát khiến nhiều nước tăng cường dự trữ dẫn đến giá gạo xuất khẩu tăng lên.
- Do thời tiết chuyển mùa, nên nhu cầu sử dụng các nhu yếu phẩm tăng, dẫn đến một số sản phẩm tăng giá: giá vải các loại tăng 0,13%; giá khăn mặt, khăn quàng tăng 0,02%; giá giấy dép tăng 0,05%; bút tất các loại tăng 0,35%; bình nước nóng nhà tắm tăng 1,58%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,25% so với tháng trước.
- Giá gas tăng theo công bố của tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Cũng tác động tăng chỉ số chung CPI tháng 12/2020 là 0,02% so với tháng trước.
- Nhóm giao thông tăng 2,61% so với tháng trước do giá xăng, dầu điều chỉnh tăng 2 lần vào cuối tháng 11 và giữa tháng 12/2020. Bình quân tháng 12/2020 giá nhiên liệu tăng 0,36% so với tháng trước.
- Giá các loại đậu và hạt giảm 0,03%; rau tươi khô và chế biến giảm 1,64%; do thời tiết thuận lợi cho rau các loại tăng trưởng nhanh; giá một số loại trái cây giảm: quả có múi như cam, quýt, bưởi giảm 0,36% so với tháng trước do đang vào chính vụ thu hoạch.
- Giá thịt lợn giảm 0,15%, do trong công tác tái đàn đã đạt kết quả nhất định, nguồn cung bắt đầu tăng. Mặt khác, bệnh Dịch tả lợn châu Phi xảy ra nhỏ lẻ ở một số địa phương khiến nhiều người chăn nuôi lo ngại, bán tháo đàn.
- Giá thịt gia cầm giảm 0,09% so với tháng trước do ảnh hưởng dịch tả lợn châu Phi nhiều hộ chăn nuôi lợn chuyển sang chăn nuôi gia cầm nên nguồn cung tăng; nhu cầu tiêu dùng giảm nên giá các mặt hàng: rượu bia các loại giảm 0,18%, thuốc hút giảm 0,25%.
- Giá nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,1% so với tháng trước do giá điện thoại di động giảm giá do nhiều doanh nghiệp và đơn vị bán lẻ đưa ra các hình thức khuyến mại, giảm giá điện thoại để thu hút khách hàng.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,02% so với bình quân cùng kỳ năm trước, mức tăng chung cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2019 (+2,3%). Nhóm hàng tăng cao hơn so với mức tăng chung như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 11,96%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,66%. Những nhóm hàng tăng thấp hơn mức tăng chung: May mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,80%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,78%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,82%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,08%; giáo dục tăng 1,49%. Các hàng hóa, dịch vụ giảm: Nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 4,44%; giao thông giảm 13,38%; bưu chính viễn thông giảm 0,05%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 1,86%.

Giá vàng và đôla Mỹ: Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 giảm 0,45% so với tháng trước; tăng 28,97% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2020, chỉ số giá vàng tăng 28,33% so với cùng kỳ. Chỉ số Đô la Mỹ tháng 12/2020 giảm 0,04%

so với tháng trước, tăng 0,14% so với cùng kỳ; chỉ số giá bình quân năm 2020 so với cùng kỳ năm trước giảm 3,73%.



### III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

#### 1. Lao động, việc làm và đời sống dân cư

##### 1.1. Công tác lao động - việc làm

Dân số trung bình trên địa bàn tỉnh năm 2020 ước 1.010.937 người, tăng 1,32% so với năm 2019. Lực lượng lao động của tỉnh ước năm 2020 là 621.196 người, tăng 2,79% tương ứng tăng khoảng 16.866 người so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: nữ là 292.644 người; khu vực thành thị là 179.293 người.

Cơ cấu lao động có việc làm có sự chuyển dịch rõ theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng lao động làm việc trong nông, lâm nghiệp và thủy sản. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tăng 2,91%, chiếm 97,52% trong lực lượng lao động, tương ứng tăng khoảng 17.128 lao động so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, lao động đang làm việc trong khu vực kinh tế Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,05%; khu vực kinh tế Công nghiệp và xây dựng tăng 3,75%; khu vực kinh tế Dịch vụ tăng 3,88%.

Ước thực hiện năm 2020, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 41.533 lao động (kế hoạch 35.200 lao động), đạt 118% kế hoạch năm; đào tạo nghề cho 16.707/6.000 lao động, đạt 278,4% kế hoạch năm; giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 12.368 lao động; hỗ trợ học nghề cho 369 lao động; xuất khẩu lao động 14 người. Tổ chức 02 phiên giao dịch việc làm thu hút 22 doanh nghiệp tham gia, trong đó có 10/22 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng. Hỗ trợ cho 14.535 người với số tiền là 14.727,25 triệu đồng là lao động mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

## 1.2. Đời sống dân cư

Năm 2020, đời sống dân cư của tỉnh Bình Phước nói chung chịu nhiều ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, dịch bệnh, thiên tai, giá cả các mặt hàng thiết yếu đều tăng, giá thu mua các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như tiêu, cà phê... giảm thấp chưa kịp phục hồi. Nhưng được sự quan tâm kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, khắc phục khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế, nhìn chung đời sống của dân cư vẫn ổn định và phát triển. Qua kết quả Khảo sát mức sống kỳ 3/2020, thu nhập bình quân đầu người là 4.239,9 nghìn đồng/người/tháng, tăng 14,2% (tương ứng tăng 529 nghìn đồng) so với thu nhập bình quân năm 2019.

Tình hình tiền lương, chính sách đối với đời sống công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh vẫn được đảm bảo, chế độ nâng lương định kỳ, bảo hiểm xã hội... góp phần ổn định hơn về đời sống vật chất, tinh thần, yên tâm công tác. Từ tháng 7/2019, lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang tăng từ 1.390.000 đ/tháng lên 1.490.000 đ/tháng (Nghị định 38/2019/NĐ-CP) đã góp phần nâng cao thu nhập, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Tình hình tinh giản biên chế, chấm dứt hợp đồng lao động dôi dư cũng đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý công nhân viên chức, người lao động.

Mức lương bình quân của người lao động ở các doanh nghiệp trong nước khoảng 6.600.000 đ/tháng, của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khoảng 7.300.000 đ/tháng. Các doanh nghiệp trả lương cho công nhân đều cao hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định, việc nâng bậc lương hàng năm cho người lao động được thực hiện theo Quy chế nâng bậc lương, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết của từng doanh nghiệp. Việc đảm bảo mức sống cơ bản cho người lao động là động lực để cho công nhân yên tâm làm việc ổn định tại doanh nghiệp.

## 1.3. Tình hình thiếu đói

Trong năm 2020, trên địa bàn tỉnh không phát sinh tình hình thiếu đói.

## 2. Công tác an sinh xã hội

### 2.1. Việc chăm lo cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội

Trong năm tỉnh tổ chức thăm, tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công, đối tượng bảo hiểm xã hội, đối tượng bảo trợ xã hội; hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng khác với tổng trị giá 147 tỷ đồng, trong đó: thăm, tặng quà đối tượng

chính sách, người có công với cách mạng: 15,3 tỷ đồng; hộ nghèo, cận nghèo: 13,3 tỷ đồng; đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng bảo hiểm xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng khác: 20,2 tỷ đồng.

Chi hỗ trợ trong đợt dịch bệnh Covid 19 cho 82.932 đối tượng (người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người bán vé số) với tổng số tiền chi trả là 83,8 tỷ đồng, ngoài ra kinh phí hỗ trợ người dân lao động không có giao kết hợp đồng do ảnh hưởng dịch COVID-19 trên toàn tỉnh với tổng số tiền là 15,1 tỷ đồng.

Thực hiện trợ cấp thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí tại cộng đồng cho 54.257 đối tượng. Xây dựng xong và bàn giao 644 căn nhà (trong đó: 172 căn nhà “Đại đoàn kết” của tỉnh phân bổ về các địa phương thực hiện, 219 căn do các địa phương tự vận động), sửa chữa 253 căn nhà (trong đó nguồn của cấp tỉnh sửa 188 căn, địa phương sửa 65 căn), 04 giếng nước. Tổng số tiền thực hiện là 57,9 tỷ đồng.

## 2.2. Công tác bảo trợ xã hội

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh quản lý và nuôi dưỡng tập trung 63 đối tượng (*17 trẻ mồ côi, 11 người khuyết tật, 16 người tâm thần, 19 người cao tuổi*); tổ chức cho trẻ đang theo dõi tiêm ngừa định kỳ theo lịch nhắc lại, phối hợp với Trung tâm y tế Lộc Ninh cấp thuốc điều trị tâm thần đúng theo hồ sơ bệnh án, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được duy trì thường xuyên nhằm đảm bảo sức khỏe, tinh thần cho các đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm. Triển khai thực hiện giảm được 2.621 hộ nghèo (gồm 1.297 hộ đồng bào dân tộc và 1.324 hộ khác) đưa số hộ nghèo toàn tỉnh từ 6.691 hộ xuống còn 4.070 hộ, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch, giảm 1% tỷ lệ hộ nghèo. Riêng hộ nghèo DTTS giảm vượt 297 hộ so với mục tiêu giảm 1.000 hộ DTTS mỗi năm; thực hiện chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với các thôn, xã đã về đích nông thôn mới.

Nhìn chung, cùng với chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sự nỗ lực của các ngành, các cấp và sự chung tay chia sẻ của toàn xã hội đã tạo điều kiện cho các đối tượng đón Tết được chu đáo, đầy đủ, đảm bảo 100% đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đều có quà đón Tết, vui xuân góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

## 2.3. Công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết 4.176 hồ sơ đối tượng chính sách người có công với cách mạng; giải quyết điều dưỡng tại nhà cho 1.927 người với tổng số tiền hơn 2,1 tỷ đồng. Phục vụ Lễ viếng, truy điệu và an táng 95 hài cốt liệt sỹ; tiếp tục triển khai đề án nhà ở Người có công, trong năm hoàn thành 46 căn trị giá 4,6 tỷ đồng. Nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, toàn tỉnh đã tổ chức thăm, tặng 46.952 phần quà cho đối tượng chính sách người có công với cách mạng với tổng kinh phí là trên 9 tỷ đồng. Tham mưu hỗ trợ cho 4.907 đối tượng người có công với số tiền 7.349,75 triệu đồng do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

### 3. Giáo dục, đào tạo

Do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19, nên ngành Giáo dục đã chủ động theo dõi, bám sát, tập trung chỉ đạo các trường, các phòng Giáo dục - Đào tạo hoàn thành nhiệm vụ năm học 2019-2020 và triển khai nhiệm vụ năm học 2020-2021 theo kế hoạch thời gian năm học. Nhìn chung, tất cả các trường học đều thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn, hoàn thành chương trình theo quy định. Một số kết quả tiêu biểu đạt được như sau:

- Số học sinh bỏ học trong năm học 2019-2020: 412 học sinh (gồm: bậc tiểu học: 08 học sinh, bậc THCS: 275 học sinh, bậc THPT: 129 học sinh), chiếm 0,21% so với tổng số học sinh toàn tỉnh, giảm 121 học sinh so với năm học 2018-2019;

- Xếp loại học lực của học sinh: THPT: tỷ lệ học sinh xếp loại từ Trung bình trở lên đạt 97,7%, THCS: học sinh xếp loại từ Trung bình trở lên đạt 96,6%, Tiểu học: học sinh được xếp loại Hoàn thành và Hoàn thành tốt đạt khoảng 99,3%. Kết quả kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp quốc gia đạt 47 giải, gồm 2 giải Nhất ở các môn Hóa học và Tin học, 11 giải Nhì, 15 giải Ba và 19 giải Khuyến khích;

- Tỷ lệ thi đỗ tốt nghiệp ở hệ THPT đạt 99,78%, hệ giáo dục thường xuyên đạt 87,16%, tính cả 2 hệ THPT và giáo dục thường xuyên, tỷ lệ tốt nghiệp của tỉnh năm 2020 đạt 98,85%, xếp hạng 29/63 tỉnh thành;

- Công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tại các địa phương tiếp tục duy trì hiệu quả: 11/11 huyện/thị xã và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 15/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập THPT;

- Đến cuối năm 2020 có 144/388 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm 37,1% so với tổng số trường, vượt chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao là 33,3%.

### 4. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực và điều trị bệnh; triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh; đặc biệt trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, ngành Y tế tỉnh đã và đang triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, đến nay trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa phát hiện ca bệnh dương tính với Covid-19. Trong năm do ảnh hưởng dịch Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội nên tỷ lệ người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế cũng giảm nhiều, các hoạt động tiêm chủng tạm dừng một thời gian, tỷ lệ tiêm chủng đạt thấp.

Các loại dịch bệnh khác được kiểm soát tốt, tổng số ca mắc sốt rét là 108 ca, giảm 69,4% so cùng kỳ, không ca tử vong; sốt xuất huyết 1.854 ca, giảm 78,5%, tử vong 02 ca, giảm 01 ca so cùng kỳ. Về công tác phòng chống HIV/AIDS: số HIV mới phát hiện trong tháng 12 là 30 ca, tích lũy 3.514; số AIDS mới phát hiện trong tháng là 06 ca, tích lũy 1.569; tử vong 02, tích lũy 310. Về an toàn vệ sinh thực phẩm: trong năm xảy ra một vụ ngộ độc thực phẩm, tổng số người nhập viện 144

người với triệu chứng chính đau bụng, tiêu chảy nhiều lần, buồn nôn, nôn nhiều, chóng mặt, một số ca có sốt 38-39°C, không có tử vong. Theo điều tra dịch tễ có liên quan đến món ăn miền hải sản, tôm hấp bia. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 12% đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

#### 5. Hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

Công tác tuyên truyền: Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương và tập trung tuyên truyền việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Kết quả, thực hiện được 14 cụm mô hình, 5 cổng chào, 39.600m băng rôn; 41.887m<sup>2</sup> panô; 51.164m<sup>2</sup> panô; treo 43.000 lượt cờ các loại; 870 giờ xe tuyên truyền; trưng bày triển lãm 640 hình ảnh, 200 hiện vật, dụng cụ; viết bài đăng tin trên trang web của ngành và của các đơn vị.

Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc: Trong năm, các bảo tàng, di tích, nhà truyền thống đón tiếp hơn 90.250 lượt khách tham quan (trong đó, Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam đón 135 đoàn, với khoảng 16.660 lượt khách tham quan).

Nghệ thuật biểu diễn và hoạt động quần chúng: Đoàn Ca múa nhạc dân tộc đã tổ chức biểu diễn nghệ thuật và tuyên truyền lưu động phục vụ các nhiệm vụ chính trị tại địa phương được 90 buổi thu hút khoảng 71.290 lượt khán giả. Trung tâm Văn hóa tỉnh tuyên truyền được 80 buổi, phục vụ khoảng 22.000 lượt người xem; chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân được 350 buổi, phục vụ khoảng 35.960 lượt người xem.

Hoạt động thư viện: Cấp 165 thẻ; phục vụ được 3.765.114 lượt bạn đọc (Trong đó: tại phòng đọc Thư viện tỉnh 8.048 lượt; phòng truy cập internet 702 lượt; truy cập website 3.702.308 lượt; phục vụ ebook 83 lượt; phục vụ lưu động 23.213 lượt; phục vụ cơ sở: 30.760 lượt); tổng số lượt sách, báo luân chuyển 251.147 lượt.

Thể dục thể thao: Trong năm, đội tuyển thể thao tỉnh tham dự 34 giải thể thao cấp khu vực và toàn quốc kết quả đạt 32 HCV, 42 HCB, 65 HCD; hỗ trợ tổ chức 34 giải với 620 lượt trọng tài tham gia điều hành giải; CLB Bóng đá Bình Phước tham dự giải Bóng đá Cúp quốc gia vào vòng 1/8, tham dự giải Bóng đá Hạng Nhất quốc gia xếp hạng 5/12 đội tham dự.

Hoạt động du lịch: Với lượt khách tham quan đạt 784.400 lượt khách, giảm 14,01% so với năm 2019, trong đó khách nội địa đạt 770.000 lượt khách, giảm 12,49%; khách quốc tế 14.400 lượt khách giảm 55,60%. Tổng doanh thu đạt 390 tỷ đồng, giảm 31,66% so với năm 2019.

#### 6. Tai nạn giao thông

Trong tháng (từ 15/11 đến 14/12), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 20 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 03 vụ va chạm giao thông, làm 24 người chết, 13 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong tháng tăng 9,52%; số người chết tăng 41,18%;

số người bị thương giảm 13,33%. Tính chung 12 tháng năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 208 vụ tai nạn giao thông, làm 157 người chết, 144 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 17,46%; số người chết giảm 3,68%; số người bị thương giảm 23,81%.



Trong năm, lực lượng cảnh sát giao thông đã phát hiện 74.324 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 13.718 phương tiện, tước 6.602 giấy phép lái xe, cảnh cáo 1.635 trường hợp, xử lý hành chính 54.178 trường hợp. Số tiền nộp kho bạc nhà nước 72,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là chạy quá tốc độ (6.917 trường hợp), không có giấy phép lái xe (9.638 trường hợp), không đội mũ bảo hiểm (8.256 trường hợp) và không đi đúng làn đường quy định (2.617 trường hợp).

### 7. Thiệt hại thiên tai

Tình hình ảnh hưởng do hạn hán: Tổng số hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh là 5.157 hộ, tập trung tại các huyện, thị: Đồng Xoài (1.464 hộ), Lộc Ninh (339 hộ), Phú Riềng (405 hộ), Hớn Quản (528 hộ), Bình Long (447 hộ),

Đồng Phú (941 hộ), Bù Đốp (153 hộ), Bù Đăng (53 hộ) và Bù Gia Mập (827 hộ), trong đó đa số là các hộ đồng bào dân tộc. Tổng số diện tích cây trồng bị ảnh hưởng hạn hán là 692,17 ha, trong đó: 264,35 ha cây ăn trái; 76,65 ha cây lúa; 134,62 ha cây hồ tiêu; tập trung các huyện, thị: Bình Long, Lộc Ninh và Hớn Quản, Bù Đăng.

Tình hình ảnh hưởng do mưa to, ngập lụt và lốc xoáy: Trong tháng, không phát sinh. Tính chung cả năm 2020, thiệt hại do ảnh hưởng của mưa to, ngập lụt và lốc xoáy, cụ thể: thiệt hại về người: 03 người chết (01 người chết do sét đánh tại huyện Lộc Ninh, 02 người chết do bị nước cuốn trôi khi bơi suối Đăk Á, huyện Bù Gia Mập); 01 người bị thương do cây xà cừ ngã đè tại huyện Chơn Thành; thiệt hại về nhà cửa: tốc mái 102 căn, sập cuốn trôi 41 căn, nhà bị hư hại 106 căn; thiệt hại về cây trồng: thiệt hại 1.874,4 ha cây trồng các loại, 100 cây sầu riêng và 200 cây dừa giống bị nước cuốn trôi; thiệt hại về tài sản khác: 03 bộ máy tính, 02 tủ lạnh, 10 bóng đèn huỳnh quang, 06 quạt điện, 15m hàng rào... Tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 26,4 tỷ đồng.

#### 8. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng trên địa bàn tỉnh xảy ra 04 vụ cháy, cụ thể: 01 vụ cháy tiệm tạp hóa nhà dân tại thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, nguyên nhân do chập điện đã làm 01 người bị thương, thiệt hại về tài sản là 1,2 tỷ đồng; 03 vụ cháy doanh nghiệp tại thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, nguyên nhân chủ yếu do chập nguồn điện và do phản ứng hóa học gây ra hiện tượng tự cháy. Tích lũy đến cuối tháng 12/2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 15 vụ cháy, thiệt hại do cháy khoảng 27,8 tỷ đồng với 01 người chết, 01 người bị thương.

Tháng 12 cơ quan chức năng đã phát hiện 16 vụ vi phạm môi trường, đã tiến hành xử lý 10 vụ vi phạm, nộp tiền vào ngân sách Nhà nước 62 triệu đồng. Tích lũy số liệu đến tháng 12 năm 2020 trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 365 vụ vi phạm về môi trường và tiến hành xử lý 159 vụ vi phạm, nộp ngân sách Nhà nước 1.302,95 triệu đồng. Các vụ vi phạm môi trường chủ yếu là các hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, không xây dựng đề án bảo vệ môi trường, thực hiện không đủ các nội dung trong bản cam kết bảo vệ môi trường...

#### Đánh giá chung

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh chuyển biến tích cực với mức tăng trưởng khá cao so với cả nước và khu vực trong bối cảnh bị ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19.

Sản xuất công nghiệp tăng hơn so với cùng kỳ; sản xuất nông nghiệp ổn định; hoạt động thương mại và dịch vụ đáp ứng tốt các yêu cầu phục vụ nhân dân; giao thông vận tải đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hoá và nhu cầu đi lại của nhân dân; các hoạt động văn hoá xã hội chủ yếu tập trung cho việc kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, đặc biệt là công tác đón Tết cổ truyền của dân tộc, chăm lo đời sống cho đồng bào nghèo và các đối tượng chính sách; công tác khám chữa bệnh vẫn được duy trì tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế như: thời tiết khô hạn, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả thất thường gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp; giá các mặt hàng nông sản chủ lực tiếp tục giảm, khả năng phục hồi chậm; đại dịch Covid-19 lây lan khá mạnh. Trong đó, nhiều ngành lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề như: thu hút đầu tư, ngành thương mại, dịch vụ và du lịch, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể tăng cao, tình hình tội phạm về ma túy, tín dụng đen tăng, công tác giải phóng mặt bằng và tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công còn chậm...

Trên đây là một số tình hình cơ bản về kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước năm 2020./.

***Nơi nhận:***

- Vụ Tổng hợp-TCTK;
- Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Bao Văn Tâm**